

# NHẬN XÉT TUỔI MỌC RĂNG VĨNH VIỄN Ở TRẺ TỪ 5 - 8 TUỔI TẠI MỘT SỐ TỈNH PHÍA BẮC

Nguyễn Mạnh Hà\* và CS

## TÓM TẮT

Nghiên cứu 2.568 trẻ em, từ 5 - 8 tuổi ở các trường tiểu học của Hà Nội, Lạng Sơn, Thái Bình theo phương pháp mô tả, cắt ngang.

Kết quả: tỷ lệ nam nữ xấp xỉ nhau. Trẻ 6 tuổi, răng cửa giữa hàm dưới có tỷ lệ mọc lớn gấp 3 lần răng cửa giữa hàm trên. > 80% trẻ em ≥ 7 tuổi mọc răng 6 và răng cửa giữa hàm dưới, nhưng răng cửa giữa hàm trên mới chỉ có > 50% trường hợp. Không có trường hợp trẻ 5 tuổi mọc răng cửa bên, ở trẻ 6 tuổi, tỷ lệ mọc răng cửa bên chiếm < 10%. Tỷ lệ mọc răng hàm lớn thứ nhất vĩnh viễn hàm dưới ở trẻ 6 tuổi chiếm 70%, cao hơn so với hàm trên (60%). 100% trẻ 8 tuổi mọc răng 6 cả hàm trên và hàm dưới.

\* Từ khóa: Tuổi mọc răng; Trẻ em; Răng cửa giữa; Răng hàm lớn vĩnh viễn thứ nhất.

## REMARKS ON THE AGE OF PERMANENT TEETH ERUPTION IN CHILDREN AGED FROM 5 TO 8 IN SOME NORTHERN PROVINCES

### SUMMARY

Study is performed in group of 2,568 children aged from 5 - 8 studying in primary schools in Hanoi, Langson, Thaibinh. Method: cross-sectional study.

Result: Scale of boy and girl were approximately equal. In 6 years old children, percentage of erupted mandibular central incisor was 3 times higher than maxillary central incisor. In 7 year old children, 80% of children had mandibular central incisor erupted, but only more 50% of children had the maxillary central incisor erupted. There was no 5 year old children had lateral incisor. In 6 year old children, less 10% of children had lateral incisor erupted. Proportion of erupted mandibular first molar in 6 year old children was 70% and higher than that of erupted maxillary first molar (60%). At 7 year old, 80% of children had first molar erupted and at 8 year old, nearly 100% of children had first molar erupted (both mandibular and maxillary first molar).

\* Key words: Age of teeth eruption; Children; Central incisor; First molar.

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Nếu không hiểu biết được tuổi mọc răng nói chung, tuổi thay răng sữa nói riêng và quá trình phát triển của hàm răng sẽ ảnh hưởng không nhỏ tới công tác điều trị bảo

tồn răng, nắn chỉnh và dự phòng các bệnh về răng miệng.

Nghiên cứu về trình tự mọc răng có ý nghĩa đối với chuyên ngành Răng Hàm Mặt, đặc biệt có ý nghĩa trong răng trẻ em và

\* Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt

**Phản biện khoa học: PGS. TS. Trương Uyên Thái**  
nắn chỉnh răng. Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình mọc răng, như di truyền, môi trường, cá nhân... dẫn đến sự khác biệt về

thời gian mọc răng ở mỗi người, mỗi quốc gia, mỗi chủng tộc. Nhưng răng mọc vẫn theo một trình tự nhất định.

Ở Việt Nam, trong nhiều năm qua, việc điều trị và giảng dạy về răng đều dựa vào kết quả nghiên cứu của các tác giả trên thế giới. Tuy nhiên, cũng có một số ít nghiên cứu về tuổi mọc răng của trẻ em Việt Nam, nhưng mới trên một nhóm nhỏ, chưa có nghiên cứu nào mang tính hệ thống. Để góp phần thêm về tư liệu về tuổi mọc răng vĩnh viễn ở trẻ em Việt Nam, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đề tài này với mục tiêu: *Nhận xét tuổi mọc răng vĩnh viễn ở trẻ từ 5 - 8 tuổi.*

## ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu.

\* *Tiêu chuẩn lựa chọn:* trẻ nằm trong độ tuổi 5 - 8 (sinh từ 1 - 1 - 1998 đến 31 - 12 - 2002), trẻ khỏe mạnh, hợp tác nghiên cứu.

- Địa điểm nghiên cứu: Hà Nội, Thái Bình, Lạng Sơn.

\* *Tiêu chuẩn loại trừ:* trẻ ngoài độ tuổi trên, có dị tật bẩm sinh, có bất thường hình thái răng sữa và răng vĩnh viễn.

### 2. Phương pháp nghiên cứu.

- Nghiên cứu quan sát mô tả, cắt ngang.

- Cỡ mẫu: lấy toàn bộ số trẻ đủ tiêu chuẩn lựa chọn từ 5 - 8 tuổi trong đợt đi thực tế cộng đồng tại một số trường tiểu học ở Hà Nội, Lạng Sơn, Thái Bình.

\* *Các bước nghiên cứu:*

- Lập mẫu phiếu khám, khảo sát cộng đồng, lập danh sách.

- Tập huấn điều tra viên, đạt mức độ thống nhất lâm sàng theo chỉ số Kappa > 0,7.

- Khám và điền phiếu khám:

### 2. Tỷ lệ mọc răng cửa giữa vĩnh viễn theo tuổi.

SỐ RĂNG	TUỔI	5	6	7	8
		(n = 496)	(n = 638)	(n = 645)	(n = 789)

+ Trẻ được khám bằng gương và thám trám nha khoa trong điều kiện đủ ánh sáng để xác định tình trạng mọc của răng nghiên cứu.

+ Tính răng mọc dựa vào sự xuất hiện của bất kỳ phần nào của thân răng lộ ra khỏi lợi và có thể nhìn thấy được trong khoang miệng.

- Xử lý số liệu bằng phần mềm SPSS 16.0.

## KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

### 1. Đặc điểm chung của mẫu nghiên cứu.

*Bảng 1:* Phân bố nam, nữ theo tuổi.

GIỚI TUỔI	NAM	NỮ	TỔNG
5	263 (53,02%)	233 (46,98%)	496 (100%)
6	339 (53,13%)	299 (46,87%)	638 (100%)
7	299 (46,36%)	346 (53,64%)	645 (100%)
8	382 (48,41%)	407 (51,59%)	789 (100%)
Tổng số	1283 (49,96%)	1285 (50,14%)	2568 (100%)

Trong 2.568 trẻ từ 5 - 8 tuổi được khám, tỷ lệ nam nữ xấp xỉ nhau. Trong số trẻ được nghiên cứu, trẻ 8 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất (30,7%), thấp nhất trẻ 5 tuổi (12,7%), ở tuổi 6 và 7 tỷ lệ xấp xỉ nhau. Ở lứa tuổi 5 - 6, nam nhiều hơn nữ, ngược lại, ở trẻ 7 và 8 tuổi tỷ lệ nữ nhiều hơn nam. Sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ). Tỷ lệ tuổi cũng như giới không có sự khác nhau vì chúng tôi khám toàn bộ số trẻ của tất cả các lớp cùng trong một trường và số em trong một lớp cũng tương đồng.

R.11	Có	4 (0,8%)	70 (11,0%)	340 (52,7%)	691 (87,6%)
	Không	492 (99,2%)	568 (89,0%)	305 (47,3%)	98 (12,4%)
R.21	Có	3 (0,6%)	80 (12,5%)	336 (52,1%)	695 (88,1%)
	Không	493 (99,4%)	558 (87,5%)	309 (47,9%)	94 (11,9%)
R.31	Có	15 (3,0%)	215 (33,7%)	540 (83,7%)	768 (97,3%)
	Không	481 (97,0%)	423 (66,3%)	105 (14,7%)	21 (2,7%)
R.41	Có	16 (3,2%)	231 (36,2%)	550 (85,3%)	769 (97,5%)
	Không	480 (96,8%)	407 (63,8%)	95 (14,7%)	20 (2,5%)

- Tỷ lệ răng cửa giữa hàm dưới mọc sớm hơn răng cửa giữa hàm trên ở các độ tuổi.

- Trẻ 6 tuổi, răng cửa giữa hàm dưới (35%) có tỷ lệ mọc lớn gấp 3 lần răng cửa giữa hàm trên (12%).

- > 80% trẻ 7 tuổi đã mọc răng cửa giữa hàm dưới, nhưng chỉ có > 50% trường hợp mọc răng cửa giữa hàm trên, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ( $p < 0,05$ ).

- Ở trẻ 8 tuổi, hầu hết đã mọc răng cửa giữa cả ở hàm trên và hàm dưới.

**\* Tuổi mọc răng:**

Nghiên cứu của nhiều tác giả trên thế giới cho thấy, tuổi mọc răng có sự khác nhau ở mỗi người. Có nhiều yếu tố tác động đến quá trình mọc răng, như di truyền, môi trường, cá nhân... dẫn tới sự khác biệt về thời gian mọc răng ở mỗi người, mỗi quốc gia, mỗi chủng tộc. Nhưng tất cả đều có điểm chung cơ bản là răng mọc vẫn theo

một trình tự nhất định. Sự xuất hiện của răng trong khoang miệng là một quá trình mọc răng xảy ra liên tục suốt đời của răng. Chính sự xuất hiện và tồn tại của răng làm cho xương hàm chịu nhiều biến động nhất trong các xương của cơ thể trong suốt đời người. Nắm vững được tuổi mọc răng vĩnh viễn cũng như tuổi thay răng sữa là hết sức cần thiết đối với mỗi bác sỹ chuyên khoa Răng Hàm Mặt. Từ đó, có chỉ định điều trị bảo tồn, phương pháp điều trị và nhổ răng sữa đến tuổi thay một cách chính xác. Mặt khác, nó cũng có ý nghĩa rất lớn trong công tác điều trị nắn chỉnh răng và tuyên truyền giáo dục nha khoa cộng đồng, nhất là công tác nha khoa học đường.

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy, răng hàm dưới cùng số răng có tỷ lệ mọc sớm hơn răng cùng số răng ở hàm trên với tỷ lệ cách biệt đáng kể, nhất là răng cửa giữa và răng cửa bên.

**3. Tỷ lệ mọc răng cửa bên vĩnh viễn theo tuổi.**

SỐ RĂNG \ TUỔI		5	6	7	8
		(n = 496)	(n = 638)	(n = 645)	(n = 789)
R.12	Có	0 (0,0%)	5 (0,8%)	80 (12,4%)	436 (55,3%)

	Không	496 (100%)	633 (99,2%)	565 (87,6%)	353 (44,7%)
R.22	Có	0 (0,0%)	7 (1,1%)	78 (12,1%)	437 (55,4%)
	Không	496 (100%)	631 (98,9%)	567 (87,9%)	352 (44,6%)
R.32	Có	0 (0,0%)	50 (7,8%)	278 (43,1%)	658 (83,4%)
	Không	496 (100%)	588 (92,2%)	367 (56,9%)	131 (16,6%)
R.42	Có	2 (0,40%)	54 (8,5%)	292 (45,3%)	660 (83,7%)
	Không	494 (99,6%)	584 (91,5%)	353 (54,7%)	129 (16,3%)

- Không có trẻ 5 tuổi nào mọc răng cửa bên, ở trẻ 6 tuổi, tỷ lệ mọc răng cửa bên < 10%, tập trung chính ở răng cửa bên hàm dưới.

- Trẻ 7 tuổi, < 45% trường hợp đã mọc răng cửa bên hàm dưới. Ngược lại, tỷ lệ mọc răng bên hàm trên chiếm 12%, thấp hơn so với răng số 2 hàm trên.

- Trẻ 8 tuổi, 83,4% trường hợp mọc răng cửa bên hàm dưới và > 55% trường hợp mọc răng cửa bên hàm trên.

- Nhìn chung răng cửa bên hàm dưới có xu hướng mọc sớm hơn so với răng cửa bên hàm trên.

Răng số 6 mọc sớm nhất trên cung hàm trong bộ răng vĩnh viễn. Một số nghiên cứu khác [3, 4, 5] cũng thấy, ở một số trẻ, răng vĩnh viễn mọc sớm nhất, có một tỷ lệ nhất

định là răng cửa giữa hàm dưới, phù hợp với kết quả của chúng tôi.

34% trẻ 6 tuổi mọc răng cửa giữa hàm dưới. Tuy nhiên, tỷ lệ mọc răng hàm lớn thứ nhất (răng 6) (60%) cao hơn so với tỷ lệ mọc răng cửa giữa hàm dưới. Tuổi mọc răng hàm lớn thứ nhất trong nghiên cứu này tập trung chủ yếu ở trẻ 6 - 8 tuổi, điều này nói lên, tuổi mọc răng số 6 của trẻ em Việt Nam cũng tương tự như nghiên cứu của các tác giả trên thế giới [4, 5, 6].

Đối với răng hàm nhỏ thứ nhất, tỷ lệ mọc lúc 6 - 7 tuổi chiếm tỷ lệ không đáng kể (< 2%). Lúc trẻ 8 tuổi, tỷ lệ mọc răng số 4 chiếm > 10%, phù hợp với nghiên cứu của các tác giả khác trên thế giới [5, 7], răng 4 mọc chủ yếu lúc 9 - 10 tuổi.

#### 4. Tỷ lệ mọc răng tiền hàm thứ nhất vĩnh viễn theo tuổi.

SỐ RĂNG \ TUỔI		5	6	7	8
		(n = 496)	(n = 638)	(n = 645)	(n = 789)
R.14	Có	0 (0%)	0 (0,0%)	14 (2,2%)	128 (16,2%)
	Không	496 (100%)	638 (100%)	631 (97,8%)	661 (83,8%)

R.24	Có	0 (0%)	2 (0,3%)	12 (1,9%)	114 (14,4%)
	Không	496 (100%)	636 (99,7%)	633 (98.1%)	675 (85,6%)
R.34	Có	0 (0%)	2 (0,3%)	15 (2,3%)	125 (15,8%)
	Không	496 (100%)	636 (99,7%)	630 (97,7%)	664 (84,2%)
R.44	Có	0 (0%)	0 (0,0%)	17 (2,6%)	111 (14,1%)
	Không	496 (100%)	638 (100%)	628 (97,4%)	678 (85,9%)

Tỷ lệ trẻ mọc răng tiền hàm thứ nhất vĩnh viễn thấp (15%) và tỷ lệ mọc răng tiền hàm thứ nhất vĩnh viễn ở hàm trên, hàm dưới xấp xỉ nhau.

### 5. Tỷ lệ mọc răng hàm lớn thứ nhất vĩnh viễn theo tuổi.

SỐ RĂNG		TUỔI	5 (n = 496)	6 (n = 638)	7 (n = 645)	8 (n = 789)
R.16	Có		12 (2,4%)	398 (62,4%)	528 (81,9%)	748 (94,8%)
	Không		484 (97,6%)	240 (37,6%)	117 (18,1%)	41 (5,2%)
R.26	Có		13 (2,6%)	373 (58,5%)	522 (80,9%)	743 (94,2%)
	Không		483 (97,4%)	255 (41,5%)	123 (19,1%)	46 (5,8%)
R.36	Có		48 (9,7%)	456 (71,6%)	571 (88,5%)	760 (96,3%)
	Không		448 (90,3%)	182 (28,4%)	74 (11,5%)	29 (3,7%)
R.46	Có		34 (6,9%)	443 (69,4%)	577 (89,3%)	760 (96,3%)
	Không		462 (93,1%)	195 (30,6%)	68 (10,7%)	29 (3,7%)

- Tỷ lệ mọc răng hàm lớn thứ nhất vĩnh viễn hàm dưới ở trẻ 6 tuổi (70%) cao hơn so với hàm trên (60%).

- > 80% trẻ 7 tuổi có răng 6 mọc và ở trẻ 8 tuổi, gần 100% mọc răng 6 cả hàm trên và hàm dưới.

Quy luật mọc răng của trẻ em ở lứa tuổi này cơ bản giống như nhiều nghiên cứu trên thế giới về thứ tự mọc răng [7]: răng số 6 mọc trước, tiếp đến là răng số 1, số 2 và đến răng hàm nhỏ thứ nhất. Các răng hàm dưới cùng số mọc trước răng hàm trên, cho thấy quy luật mọc răng của con người ở các dân tộc về cơ bản giống nhau ở trẻ phát triển bình thường, không có biểu hiện về bệnh lý dị tật, còi xương suy dinh dưỡng, di truyền...

### KẾT LUẬN

Qua khám điều tra trên 2.568 trẻ từ 5 - 8 tuổi ở 3 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Thái Bình, Lạng Sơn) chúng tôi có một số kết luận sau:

+ Các răng cửa giữa, cửa bên, răng hàm nhỏ thứ nhất và răng hàm lớn thứ nhất hàm dưới thường mọc sớm hơn răng hàm trên cùng số răng.

+ Răng hàm lớn thứ nhất (răng số 6) mọc sớm nhất trên cung hàm. Lúc trẻ 6 tuổi, 70,0% răng số 6 hàm dưới mọc và 60,0% răng số 6 hàm trên. Trẻ 8 tuổi, tỷ lệ mọc răng số 6 hàm trên và hàm dưới chiếm > 95%.

+ Trẻ 6 tuổi, tỷ lệ răng cửa giữa hàm dưới mọc (35%) nhiều gấp 3 lần răng cửa giữa hàm trên (12%). Trẻ 8 tuổi, tỷ lệ chung cho cả răng cửa giữa hàm trên và hàm dưới chiếm > 90%. Trẻ 7 tuổi, tỷ lệ răng cửa bên hàm trên mọc 12,2% và lúc 8 tuổi là 53,3%, 44,6% trẻ 7 tuổi mọc răng cửa bên hàm dưới và 83,5% ở trẻ 8 tuổi.

+ Tỷ lệ mọc răng hàm nhỏ thứ nhất thấp ở lứa tuổi 5 - 8 (15% trẻ có răng số 4).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ môn Răng Trẻ em - Khoa RHM - Trường ĐH Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh. Nha khoa trẻ em. Nhà xuất bản Y học. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.50- 60.
2. Hoàng Tử Hùng. Mô phôi răng miệng. Nhà xuất bản Y học. Thành phố Hồ Chí Minh, tr.50-65.
3. Rakhi Gupta, Sivapathasundharam B, Einstein. Eruption age of permanent mandibular first molars and central incisors in the south Indian population. Indian J Dent Res. 18 (4), pp.186.
4. A. Polyzois, G. Tossios. Gingival fibromatosis and significant tooth eruption delay in an 11 year old male: a 30 month follow-up. 15 (4), pp.294-302.
5. Effect of early childhood malnutrition on tooth eruption in Haitian adolescents. 36 (2), pp.179-189.
6. Timing of tooth emergence. A prospective longitudinal study of Swedish urban children from birth to 18 years, Swed Dent J. 10 (5), pp.195-206.
7. Diamanti J, Townsend G. C. New standards for permanent tooth emergence in Australian children. Australian Dental Journal, 48 (1), pp.39-42.